

MỤC LỤC

<u>TRANG</u>	<u>NỘI DUNG</u>
3	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC
3-4	BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
2-6	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
7	BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
8	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
10-9	THUYẾT MINH

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 – 21

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH BẰNG ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo tài chính này gồm:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn	Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Bình	Phó Giám đốc
Ông Trần Công Văn	Phó Giám đốc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Bà Hoàng Thị Phương	Kế toán trưởng
---------------------	----------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Ngọc Sơn
Giám đốc
Quảng Bình, ngày 04 tháng 03 năm 2016





CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN QUỐC TẾ

Trụ sở: Tầng 6, Số 136
Đường Hoàng Quốc Việt
Quận Cầu Giấy, Hà Nội
Tel: (84.4) 3 7481 577/8
Fax: (84.4) 3 7481 579
Website: www.acgroup.com.vn

Số. 017/2016/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP *Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty TNHH MTV Lê Ninh - Quảng Bình*

Kính gửi: Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc
CÔNG TY TNHH MTV LÊ NINH - QUẢNG BÌNH

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Lê Ninh - Quảng Bình, được trình bày từ trang 5 đến trang 21 kèm theo, bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BẢN SAO

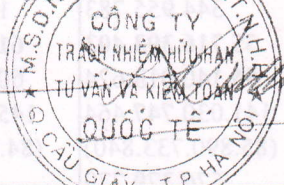
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)
Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
của Công ty TNHH MTV Lê Ninh - Quảng Bình

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán, tuy nhiên còn chứa đựng ý kiến kiểm toán ngoại trừ. Do không thể đánh giá được hết nên chúng tôi không thể đưa ra ý kiến về những ảnh hưởng của ý kiến kiểm toán ngoại trừ trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 tới Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.
- Trong kỳ, Công ty có phát sinh các giao dịch mua bán hàng hóa nội bộ giữa các xí nghiệp với nhau và giữa các xí nghiệp với văn phòng Công ty, các hàng hóa đó bao gồm sản phẩm thức ăn chăn nuôi và phân bón. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không theo dõi riêng được giá trị vật tư, hàng hóa mua bán nội bộ giữa các đơn vị còn tồn kho hay đã xuất bán cho khách hàng đồng thời tiến hành bù trừ toàn bộ doanh thu – giá vốn tương ứng với giá trị số hàng hóa giao dịch mua bán nội bộ. Do bản chất của việc theo dõi giao dịch nội bộ, chúng tôi không có đủ cơ sở để xác định giá trị hàng hóa mua bán nội bộ đã thực tế xuất bán cho khách hàng hay còn đang tồn kho, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính phù hợp và đầy đủ của bút toán bù trừ doanh thu – giá vốn nêu trên đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Lê Ninh - Quảng Bình tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



(Handwritten signature)

Nguyễn Tiến Dũng
Phó Giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 2554-2013-202-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN QUỐC TẾ (AC)
Hà Nội, ngày 04 tháng 03 năm 2016

Nguyễn Văn Ngọc
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 3410-2015-202-1

UBND TỈNH LÊ NINH H. LÊ THUY
CHỦNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 10-05-2017

Số: 644/Quyết định UBND/CT-BS



(Handwritten signature)

Phạm Minh Điền

111 2015 1811

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		24.049.022.709	26.851.458.126
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.128.627.817	5.616.643.218
1. Tiền	111	V.1	443.830.666	5.616.643.218
2. Các khoản tương đương tiền	112		5.684.797.151	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.249.449.573	7.071.232.925
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	1.102.169.186	1.263.921.016
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		9.050.000	52.620.721
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.3a	789.816.233	2.479.148.839
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(57.086.753)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.4	3.348.414.154	3.332.629.102
IV. Hàng tồn kho	140	V.5	12.580.884.347	13.879.841.496
1. Hàng tồn kho	141		12.580.884.347	14.022.130.545
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	(142.289.049)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		90.060.972	283.740.487
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	221.552.815
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	153	V.11b	90.060.972	37.691.069
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	24.496.603
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		131.745.427.180	118.253.777.230
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		344.955.783	1.296.812.243
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		344.955.783	1.296.812.243
II. Tài sản cố định	220		55.716.393.403	61.375.869.713
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	55.140.013.624	60.741.920.821
- Nguyên giá	222		141.030.747.464	145.559.298.776
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(85.890.733.840)	(84.817.377.955)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	576.379.779	633.948.892
- Nguyên giá	228		983.481.771	983.481.771
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(407.101.992)	(349.532.879)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.8	74.497.390.315	53.471.052.995
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		74.497.390.315	53.471.052.995
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.186.687.679	2.110.042.279
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.186.687.679	2.110.042.279
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		155.794.449.889	145.105.235.356

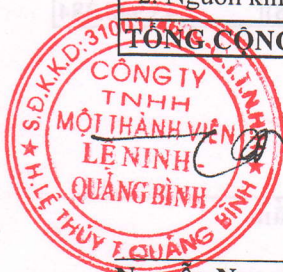


Phạm Minh Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU B 01-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		66.740.936.107	52.402.689.046
I. Nợ ngắn hạn	310		37.262.744.487	41.640.627.161
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10a	3.784.477.135	2.967.562.804
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		49.978.000	2.241.978.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11a	703.082	23.605.394
4. Phải trả người lao động	314		2.461.056.816	2.233.833.073
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.12a	293.232.675	588.636.094
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	1.126.496.979	805.306.283
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14a	23.654.988.422	24.684.584.836
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.891.811.378	8.095.120.677
II. Nợ dài hạn	330		29.478.191.620	10.762.061.885
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	482.025.520	223.159.720
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14b	28.996.166.100	9.867.167.900
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	671.734.265
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		89.053.513.782	92.702.546.310
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	88.863.418.614	92.512.451.142
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		83.894.608.461	83.894.608.461
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.617.842.681	8.617.842.681
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(3.649.032.528)	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		190.095.168	190.095.168
1. Nguồn kinh phí	431		62.538.172	62.538.172
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		127.556.996	127.556.996
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		155.794.449.889	145.105.235.356



Nguyễn Ngọc Sơn
Giám đốc

Quảng Bình, ngày 04 tháng 03 năm 2016

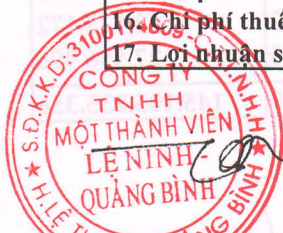
Hoàng Thị Phương
Kế toán trưởng


Võ Thị Thắm
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 02-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1a	42.037.193.909	42.680.775.173
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		42.037.193.909	42.680.775.173
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	42.041.316.687	38.017.084.729
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		(4.122.778)	4.663.690.444
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	281.902.498	469.975.032
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.201.909.175	1.679.782.847
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.201.909.175	1.679.782.847
8. Chi phí bán hàng	25		404.168.045	302.611.428
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		2.989.112.168	3.640.453.430
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(4.317.409.668)	(489.182.229)
11. Thu nhập khác	31	VI.5	1.491.861.028	4.247.102.046
12. Chi phí khác	32	VI.6	823.483.888	3.678.189.088
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		668.377.140	568.912.958
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(3.649.032.528)	79.730.729
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	-	33.782.345
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(3.649.032.528)	45.948.384

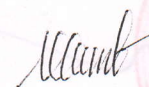



Nguyễn Ngọc Sơn
Giám đốc

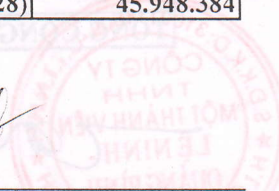
Quảng Bình, ngày 04 tháng 03 năm 2016



Hoàng Thị Phương
Kế toán trưởng



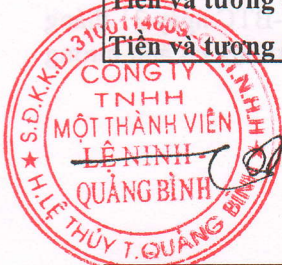
Võ Thị Thắm
Người lập



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU B 03-DN
ĐVT: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		37.845.065.274	40.862.976.849
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2		(11.949.938.107)	(18.459.649.081)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3		(23.243.411.812)	(24.778.631.325)
4. Tiền lãi vay đã trả	4		(1.537.084.115)	(1.906.145.519)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	5		-	(328.548.253)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2.228.024.692	4.420.684.937
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(18.365.400.319)	(10.518.632.873)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15.022.744.387)	(10.707.945.265)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(3.076.946.700)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.984.016.201
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(61.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		1.245.047.181	486.502.152
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27		9.966.790	391.064.172
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.821.932.729)	3.800.582.525
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	27.642.671.228
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(742.740.071)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		52.014.020.050	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(33.914.618.264)	(24.108.655.444)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		17.356.661.715	3.534.015.784
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		511.984.599	(3.373.346.956)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		5.616.643.218	8.989.990.174
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		6.128.627.817	5.616.643.218



Nguyễn Ngọc Sơn
Giám đốc
Quảng Bình, ngày 04 tháng 03 năm 2016

Hoàng Thị Phương
Kế toán trưởng

Võ Thị Thắm
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước được chuyển đổi theo Quyết định số 1471/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và đăng ký thuế công ty TNHH một thành viên số 3100114609 ngày 01 tháng 7 năm 2010, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 4 ngày 13 tháng 8 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Bình cấp.

Trụ sở chính: Thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc:

- Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi;
- Nhà máy chế biến phân bón;
- Xí nghiệp chăn nuôi lợn.

Vốn điều lệ: 101.965.000.000 đồng (Một trăm linh một tỷ chín trăm sáu mươi lăm triệu đồng).

Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh

- Trồng cây cao su;
- Khách sạn;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan (Chi tiết: Kinh doanh xăng dầu);
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Sản xuất và khai thác cây cao su, chế biến sản phẩm mủ cao su;
- Chăn nuôi lợn siêu nạc và cung cấp con giống trên địa bàn;
- Sản xuất và tiêu thụ nước lọc tinh khiết, nước đá sạch;
- Cho thuê phòng làm việc, nhà nghỉ;
- Chế biến thịt gia súc đông lạnh và dịch vụ vận tải;
- Khai thác và kinh doanh các loại vật liệu xây dựng;
- Mua bán các mặt hàng nông sản, công nghệ phẩm

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính này sử dụng đơn vị tiền tệ Việt Nam Đồng (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình và khấu hao

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2015
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
Vườn cây lâu năm, súc vật làm việc	4 – 15 năm

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là toàn bộ chi phí phát sinh trong việc trồng mới các vườn cao su chưa đủ điều kiện đưa vào khai thác

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản các khoản sửa chữa thường xuyên và giá trị công cụ dụng cụ, linh kiện nhỏ xuất dùng phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Các khoản chi phí này được phân bổ vào chi phí hoạt động trong kỳ theo phương pháp đường thẳng.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Trong năm, Công ty đã tiến hành hoàn nhập các khoản dự phòng đã trích lập năm trước đồng thời không tiến hành đánh giá và trích lập dự phòng tổn thất cho năm nay thực hiện theo quy định tại Điều 9 Thông tư số 127/2014/TT-BTC ngày 05/09/2014 do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã nhận được văn bản của UBND tỉnh Quảng Bình về xác định thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại 31/12/2015.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam. Việc xác định các khoản thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền**

	31/12/2015	01/01/2015
Tiền mặt	347.968.717	92.453.246
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	95.861.949	5.524.189.972
Cộng	443.830.666	5.616.643.218

2. Phải thu khách hàng

	31/12/2015	01/01/2015
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty TNHH thương mại và dịch vụ chế biến gỗ Nhật Quang	377.760.058	407.553.355
- Doanh nghiệp cao su Thanh Long	313.750.000	313.750.000
- Nhà máy chế biến gỗ xuất khẩu Phú Quý	92.773.440	162.773.440
- Các khoản phải thu khách hàng khác	317.885.688	379.844.221
b. Các khoản phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	1.102.169.186	1.263.921.016

3. Phải thu khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	789.816.233	-	2.479.148.839	-
Phải thu người lao động	173.121.400	-	1.136.306.332	-
Ký cược, ký quỹ	9.500.000	-	11.100.000	-
Phải thu khác	607.194.833	-	1.331.742.507	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	789.816.233	-	2.479.148.839	-

4. Tài sản thiếu chờ xử lý

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Vườn cây cao su (i)	3.332.629.102	-	3.332.629.102	-
b. Tài sản khác	15.785.052	-	-	-
Cộng	3.348.414.154	-	3.332.629.102	-

(i) Đây là giá trị vườn cây cao su bị thiệt hại do bão số 10 năm 2013 gây ra, Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Bình sau khi xem xét đã có Văn bản số 2906/STC-TCDN ngày 29 tháng 10 năm 2014 cho phép xử lý dần thiệt hại vào kết quả các năm sau. Tuy nhiên, năm 2014 và năm 2015 hoạt động kinh doanh của Công ty bị lỗ nên chưa xử lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. Hàng tồn kho

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	-	-	3.775.000	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.144.572.451	-	1.056.837.709	-
Công cụ, dụng cụ	225.722.314	-	140.549.233	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.556.257.798	-	4.684.123.730	-
Thành phẩm	6.654.331.784	-	8.136.844.873	142.289.049
Cộng	12.580.884.347	-	14.022.130.545	142.289.049

Trong năm 2015, Công ty đã thực hiện hoàn nhập toàn bộ số dự phòng tồn thất tài sản vào chi phí.

6. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2015	58.225.357.420	18.701.936.289	5.349.882.965	713.210.355	62.568.911.747	145.559.298.776
- Mua trong năm	-	-	166.257.950	-	-	166.257.950
- Đầu tư XDCB hoàn thành	1.462.352.472	-	-	-	-	1.462.352.472
- Thanh lý, nhượng bán	(1.404.362.856)	-	(400.204.302)	-	(4.352.594.576)	(6.157.161.734)
Tại ngày 31/12/2015	58.283.347.036	18.701.936.289	5.115.936.613	713.210.355	58.216.317.171	141.030.747.464
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2015	27.064.365.695	9.898.946.190	2.459.979.212	415.909.082	44.978.177.776	84.817.377.955
- Khấu hao trong năm	3.346.834.699	952.563.767	319.855.246	52.233.780	1.998.590.662	6.670.078.154
- Thanh lý, nhượng bán	(1.121.250.215)	-	(274.330.150)	-	(4.201.141.904)	(5.596.722.269)
Tại ngày 31/12/2015	29.289.950.179	10.851.509.957	2.505.504.308	468.142.862	42.775.626.534	85.890.733.840
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2015	31.160.991.725	8.802.990.099	2.889.903.753	297.301.273	17.590.733.971	60.741.920.821
Tại ngày 31/12/2015	28.993.396.857	7.850.426.332	2.610.432.305	245.067.493	15.440.690.637	55.140.013.624

Tổng nguyên giá tài sản cố định hữu hình và vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 29.785.970.799 đồng.

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MÃU B 09-DN

10. Phải trả người bán

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.784.477.135	3.784.477.135	2.967.562.804	2.967.562.804
Công ty cổ phần vật tư nông nghiệp Quảng Bình	726.695.000	726.695.000	529.315.000	529.315.000
Doanh nghiệp tư nhân kinh doanh vàng Ngọc Phương	1.145.929.062	1.145.929.062	227.422.890	227.422.890
Trung tâm nghiên cứu phát triển cao su Tiên Điền	298.376.000	298.376.000	540.737.000	540.737.000
Các khoản phải trả khác	1.613.477.073	1.613.477.073	1.670.087.914	1.670.087.914
Cộng	3.784.477.135	3.784.477.135	2.967.562.804	2.967.562.804

11. Thuế và các khoản phải thu – phải nộp Nhà nước

	01/01/2015		Phải nộp trong năm		Đã thực nộp trong năm		31/12/2015
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a. Phải nộp							
Thuế GTGT	-	-	1.544.380.323	1.544.380.323	1.544.380.323	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	23.605.394	-	5.306.147	5.306.147	28.208.459	703.082	703.082
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	112.675.698	112.675.698	112.675.698	-	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	-	6.000.000	6.000.000	6.000.000	-	-
Cộng	23.605.394	-	1.668.362.168	1.668.362.168	1.691.264.480	703.082	703.082
b. Phải thu							
Thuế GTGT	106.884	-	52.369.903	52.369.903	-	52.476.787	52.476.787
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	37.584.185	-	-	-	-	37.584.185	37.584.185
Cộng	37.691.069	-	52.369.903	52.369.903	-	90.060.972	90.060.972

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

12. Chi phí phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
a. Ngắn hạn	293.232.675	588.636.094
Chi phí lãi vay ngân hàng	164.644.873	181.422.000
Chi phí vật tư sản xuất	-	278.047.876
Chi phí phải trả khác	128.587.802	129.166.218
b. Dài hạn	-	-
Cộng	293.232.675	588.636.094

13. Phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
a. Ngắn hạn	1.126.496.979	805.306.283
Kinh phí công đoàn	440.841.120	339.470.023
Các khoản phải trả khác	685.655.859	465.836.260
b. Dài hạn	482.025.520	223.159.720
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	51.100.000	25.100.000
Các khoản phải trả khác	430.925.520	198.059.720

DUP
CH
BIN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN
Đặc thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

14. Vay và nợ thuê tài chính

	Trong năm				Số có khả năng trả nợ
	31/12/2015	Tăng	Giảm	Giá trị	
a. Vay ngắn hạn	23.654.988.422	32.120.174.350	33.149.770.764	24.684.584.836	24.684.584.836
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (ii)	23.654.988.422	32.120.174.350	32.309.770.764	23.844.584.836	23.844.584.836
- Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	840.000.000	840.000.000	840.000.000
b. Vay dài hạn	28.996.166.100	19.168.955.700	39.957.500	9.867.167.900	9.867.167.900
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam - CN Quảng Bình (iii)	724.890.000	724.890.000	724.890.000	724.890.000	724.890.000
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Quảng Bình	459.587.000	-	-	459.587.000	459.587.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - CN Quảng Bình (iv)	26.000.000.000	19.000.000.000	-	7.000.000.000	7.000.000.000
- Vay cá nhân (v)	1.811.689.100	168.955.700	39.957.500	1.682.690.900	1.682.690.900
Cộng	52.651.154.522	52.014.020.050	33.914.618.264	34.551.752.736	34.551.752.736

(ii) Đây là số dư khoản gốc vay đã được giải ngân theo giấy nhận nợ từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh tỉnh Quảng Bình dựa trên hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 369/2014/HĐTD ngày 19 tháng 08 năm 2014 và phụ lục sửa đổi bổ sung số 369/2015/HĐBS ngày 20 tháng 08 năm 2015, theo đó:

- Tổng mức cấp tín dụng được cấp: 30.000.000.000 đồng;
- Thời hạn hiệu lực của hạn mức cấp tín dụng: Từ ngày 19/08/2014 đến 20/02/2016;
- Mục đích vay vốn: Thanh toán chi phí chăn nuôi, trồng trọt liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Lãi suất cho vay tại thời điểm ký kết hợp đồng hạn mức tín dụng: 8%/năm;
- Lãi suất cụ thể sẽ dựa trên cơ sở giấy nhận nợ từng lần.

(iii) Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 518/2011/HĐTD ngày 22 tháng 12 năm 2011: Hạn mức vay 4,2 tỷ đồng, thời hạn 60 tháng; Lãi suất theo từng lần nhận nợ.

CÔNG TY TNHH MTV LÊ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lê Ninh, huyện Lê Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- (iv) Đây là số dư khoản gốc vay đã được giải ngân theo kế ước nhận nợ từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Bình dựa trên hợp đồng tín dụng đầu tư của Nhà nước số 05/2014/HĐTĐĐT-NHPT ngày 22 tháng 08 năm 2014, theo đó:
- Tổng mức tín dụng được cấp: 81.602,79 triệu đồng;
 - Mục đích vay vốn: Tiền vay được sử dụng để thực hiện trồng mới và chăm sóc 450ha cao su của Dự án trồng mới và chăm sóc cao su kiến thiết cơ bản theo Quyết định phê duyệt điều chỉnh Dự án số 541/QĐ/CTLN ngày 28 tháng 04 năm 2014 của Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Lê Ninh – Quảng Bình.
 - Lãi suất vay cụ thể căn cứ theo kế ước nhận nợ từng lần;
 - Thời điểm bắt đầu trả lãi, trả nợ gốc: Trả nợ gốc sau 7 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng này, lãi vay trả hàng tháng và được tính bắt đầu kể từ khi phát sinh dư nợ vay.
- (v) Vay cá nhân là các khoản vay của Người lao động với thời hạn trên 1 năm, lãi suất được xác định trên cơ sở lãi suất cho vay của ngân hàng mà Công ty giao dịch.

15. Vốn chủ sở hữu	Khoản mục	Số dư đầu năm			Số dư cuối năm				
		Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Tại ngày 01/01/2014	83.894.608.461	8.571.894.297	-	92.466.502.758				
	Tăng vốn trong năm trước	-	45.948.384	-	45.948.384				
	Lãi trong năm trước	-	-	-	45.948.384				
	Giảm trong năm trước	-	-	-	(45.948.384)				
	Tại ngày 01/01/2015	83.894.608.461	8.617.842.681	-	92.512.451.142				
	Lãi trong năm nay	-	-	-	(3.649.032.528)				
	Lỗ trong năm nay	-	-	-	(3.649.032.528)				
	Tại ngày 31/12/2015	83.894.608.461	8.617.842.681	(3.649.032.528)	88.863.418.614				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
a. Doanh thu	42.037.193.909	42.680.775.173
- Doanh thu bán hàng hóa	-	695.244.636
- Doanh thu bán thành phẩm	41.831.590.775	41.664.031.498
- Doanh thu hoạt động khác	205.603.134	321.499.039
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	-	-

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn hàng hóa đã bán	-	594.966.770
Giá vốn thành phẩm đã bán	41.603.421.568	37.422.117.959
Giá vốn hoạt động khác	437.895.119	-
Cộng	42.041.316.687	38.017.084.729

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	281.902.498	469.975.032
Cộng	281.902.498	469.975.032

4. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền vay	1.201.909.175	1.679.782.847
Cộng	1.201.909.175	1.679.782.847

5. Thu nhập khác

	Năm 2015
Thanh lý, nhượng bán Tài sản cố định	829.830.190
Thu nhập từ được thưởng, bồi thường	6.023.000
Giảm do bù trừ giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(277.326.824)
Các khoản thu nhập khác	933.334.662
Cộng	1.491.861.028

6. Chi phí khác

	Năm 2015
Giá trị còn lại của TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	277.326.824
Giảm do bù trừ giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(277.326.824)
Các khoản chi phí khác	823.483.888
Cộng	823.483.888

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

Thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2015	Năm 2014
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	33.782.345
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	-	33.782.345

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.756.984.018	10.423.084.266
Chi phí nhân công	19.592.696.962	17.181.960.654
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.721.111.110	8.746.341.501
Chi phí bằng tiền khác	3.706.170.711	1.749.167.353
Cộng	42.776.962.801	38.100.553.774

VII. THÔNG TIN KHÁC**1. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán Quốc tế. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số đã báo cáo	Phân loại lại	Số sau phân loại lại
- Phải thu về cho vay dài hạn	-	1.296.812.243	1.296.812.243
- Đầu tư ngắn hạn	1.296.812.243	(1.296.812.243)	-
- Phải thu ngắn hạn khác	-	2.479.148.839	2.479.148.839
- Phải thu khác	1.331.742.507	(1.331.742.507)	-
- Tài sản thiếu chờ xử lý	-	3.332.629.102	3.332.629.102
- Tài sản ngắn hạn khác	4.480.035.434	(4.455.538.831)	24.496.603
- Đầu tư dài hạn khác	24.496.603	(24.496.603)	-
- Phải thu của khách hàng	1.263.921.016	(1.263.921.016)	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	1.263.921.016	1.263.921.016
- Trả trước cho người bán	52.620.721	(52.620.721)	-
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	52.620.721	52.620.721
- Vay và nợ ngắn hạn	24.684.584.836	(24.684.584.836)	-
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	24.684.584.836	24.684.584.836
- Phải trả người bán	2.967.562.804	(2.967.562.804)	-
- Phải trả người bán ngắn hạn	-	2.967.562.804	2.967.562.804
- Người mua trả tiền trước	2.241.978.000	(2.241.978.000)	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn	-	2.241.978.000	2.241.978.000
- Chi phí phải trả	588.636.094	(588.636.094)	-
- Chi phí phải trả ngắn hạn	-	588.636.094	588.636.094
- Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	805.306.283	(805.306.283)	-
- Phải trả ngắn hạn khác	-	805.306.283	805.306.283
- Vay và nợ dài hạn	9.867.167.900	(9.867.167.900)	-
- Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	9.867.167.900	9.867.167.900

CÔNG TY TNHH MTV LỆ NINH - QUẢNG BÌNH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thị trấn Lệ Ninh, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015.

3. Thông tin khác

Ngày 28/12/2015, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình ban hành Quyết định số 3788/QĐ-UBND về việc thực hiện cổ phần hóa công ty nông, lâm nghiệp 100% vốn Nhà nước theo đó sẽ thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Lệ Ninh - Quảng Bình, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là hết ngày 31/12/2015.



Nguyễn Ngọc Sơn
Giám đốc

Hoàng Thị Phương
Kế toán trưởng

Võ Thị Thắm
Người lập

Quảng Bình, ngày 04 tháng 03 năm 2016

Table with 4 columns: Số dư báo cáo, Phần loại lại, and other financial data. The table contains multiple rows of numerical values and descriptions, likely representing a balance sheet or financial statement breakdown.